

Số: 62 /BC-SYT

Kiên Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác y tế năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác y tế năm 2018

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2017

A. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, năm 2017 ngành y tế đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra đạt được các kết quả như sau:

Hoàn thành đạt và vượt 3 chỉ tiêu chủ yếu do Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh giao¹ gồm: Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 81% (kế hoạch giao 79%); Mức giảm tỷ lệ sinh đạt 0,2‰ (kế hoạch giao 0,2‰); Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đạt 13,2% (kế hoạch giao 13,4%).

Đạt và vượt 17/24 chỉ tiêu cơ bản của ngành, còn 7 chỉ tiêu chưa đạt gồm: (1) Tỷ lệ xã đạt chuẩn QG về y tế xã đạt 68,28% (kế hoạch giao 70%); (2) Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên đạt 9,4% (kế hoạch giao 5%); (3) Số trẻ uống vitamin A đạt 73.119 trẻ (kế hoạch giao 74.000 trẻ); (4) Số người có nguy cơ cao được xét nghiệm HIV đạt 3.112 người (kế hoạch giao 5.000 người); (5) Tỷ suất tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống đạt 4,04 bà mẹ (kế hoạch giao 2 bà mẹ); (6) Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống đạt 12,21 trẻ (kế hoạch giao 5,1 trẻ); (7) Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống đạt 18,30 trẻ (kế hoạch giao 5,14 trẻ).

B. Đánh giá kết quả cụ thể các mặt công tác

I. Công tác tham mưu, quản lý, điều hành

1. Tổ chức quán triệt và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên

Sở Y tế đã tổ chức học tập, triển khai các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Kịp thời triển khai, quán triệt 09 Thông tư² của Bộ Y tế và 05 Thông tư của Bộ Tài chính³ để thực hiện trong toàn

¹ Nghị quyết 65/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.

² Thông tư 46/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày; Thông tư 47/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 quy định việc tổ chức khám bệnh, chữa bệnh đột quy trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư 01/2017/TT-BYT ngày 06/3/2017 quy định việc thực hiện hóa trị, xạ trị, hóa trị kết hợp xạ trị ban ngày tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở

ngành. Ngoài ra, đã chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế và các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định, Chỉ thị của UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành phát triển sự nghiệp y tế.

Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt và ban hành 09 chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên, bao gồm: (1) Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống mù lòa; (2) Kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; (3) Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2017; (4) Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS năm 2017; (5) Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 77-KH/TU ngày 09/5/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 11-KL/TW ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới; (6) Kế hoạch đảm bảo nguồn nhân lực Y tế đến năm 2020 và những năm tiếp theo; (7) Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại giai đoạn 2017 - 2020; (8) Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phát triển ngành dược giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; (9) Đề án tổ chức lại hệ thống tổ chức bộ máy ngành y tế.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 thành lập Ban Chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Kiên Giang; Quyết định 1675/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Kiên Giang; Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 về công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia đến 2020 (18 xã); Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 phê duyệt Kế hoạch đảm bảo nguồn nhân lực ngành y tế tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Ngoài ra, Sở Y tế đã ban hành 5.107 Quyết định, 489 Kế hoạch, 01 Đề án, 879 Báo cáo và 1.120 Công văn chỉ đạo, điều hành các hoạt động ngành y tế.

2. Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy

Sở Y tế đang triển khai thực hiện Đề án số 966/ĐA-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh về việc tổ chức lại hệ thống tổ chức bộ máy ngành y tế tỉnh Kiên Giang. Đến nay đã thành lập Ban Chỉ đạo, các Tổ xây dựng Đề án tuyến tỉnh và tuyến huyện; đã xây dựng đề cương Đề án sáp nhập và hướng dẫn các đơn vị rà soát về nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị.

khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; **Thông tư 04/2017/TT-BYT** ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế; **Thông tư 20/2017/TT-BYT** ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định 54/2017/NĐ-CP về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt; **Thông tư 24/2017/TT-BYT** ngày 17/5/2017 quy định quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; **Thông tư 34/2017/TT-BYT** ngày 18/8/2017 hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; **Thông tư 48/2017/TT-BYT** ngày 28/12/2017 v/v quy định trích chuyển dữ liệu điện tử trong quản lý và thanh toán chi phí KB, CB BHYT.

³ **Thông tư 278/2016/TT-BTC** ngày 14/11/2016 quy định về phí trong lĩnh vực y tế; **Thông tư 279/2016/TT-BTC** quy định mức thu, chế độ thu, nộp, QL, SD phí trong công tác ATVSTP; **Thông tư 319/2016/TT-BTC** ngày 13/12/2016 quy định việc xử lý chuyển nguồn NSNN năm 2016 sang năm 2017; **Thông tư số 40/2017/TT-BTC** ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; **Thông tư số 71/2017/TT-BTC** hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2018 và kế hoạch tài chính NSNN 3 năm 2018 – 2020.

Trong năm đã bổ nhiệm 37 công chức, viên chức lãnh đạo thuộc thẩm quyền (Bổ nhiệm mới 13, bổ nhiệm lại 24); luân chuyển, điều động 03 trường hợp. Trình UBND tỉnh bổ nhiệm phó Giám đốc bệnh viện YHCT tỉnh. Đã ban hành Quyết định số 5014/QĐ-SYT ngày 29/11/2017 về quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức giữ chức vụ trưởng, phó khoa, phòng và tương đương tại cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

3. Công tác cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại khối Văn phòng Sở. Thực hiện tốt việc chuyển công văn qua mạng theo Đề án 112 của Chính phủ. Thực hiện giao nhận văn bản qua cổng thông tin điện tử của Sở. Triển khai cung cấp dịch vụ hành chính và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. Niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa. Trong năm đã tiếp nhận 1.446 hồ sơ, trả kết quả đúng hẹn 1.206 hồ sơ, trễ hẹn 3 hồ sơ, còn 237 hồ sơ chưa đến hẹn.

4. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Ngành y tế đã tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, đã phát động thi đua và tổ chức ký cam kết thực hiện.

Qua khảo sát đối với 610 người bệnh và thân nhân người bệnh năm 2017 cho thấy đa số thể hiện ở mức hài lòng và rất hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến chưa hài lòng về cơ sở vật chất như buồng bệnh năm điều trị chưa khang trang, sạch sẽ, chưa có đầy đủ các thiết bị điều chỉnh nhiệt độ phù hợp như quạt, máy điều hòa; Nhà vệ sinh, nhà tắm chưa thuận tiện, chưa sạch sẽ, sử dụng không tốt; Chưa được cung cấp đầy đủ nước uống nóng, lạnh; Chưa được bảo đảm sự riêng tư khi nằm viện như thay quần áo, khám bệnh, đi vệ sinh tại giường....

Trong năm 2017, tổng số có 24 cuộc gọi đến đường dây nóng Sở Y tế (giảm 22 cuộc so với năm 2016). Trong đó có 8 lượt phản ánh về thái độ phục vụ của cán bộ y tế (giảm 10 lượt); Số còn lại chủ yếu hỏi để biết thêm về quy trình chuyên môn, các vấn đề liên quan về viện phí và thủ tục khám chữa bệnh BHYT, chuyển tuyến BHYT. Sở Y tế đã chỉ đạo lãnh đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xử lý nghiêm, khẩn trương, kịp thời giải tỏa những bức xúc của người bệnh và thân nhân người bệnh, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của người bệnh đối với các cơ sở khám chữa bệnh nói chung và các cán bộ y tế nói riêng.

5. Công tác thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm

Thanh tra Sở đã thực hiện 4 cuộc thanh tra, kiểm tra: (1) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề Y dược tư nhân đối với 70 cơ sở; (2)

Việc thực hiện liên doanh, liên kết lắp đặt trang thiết bị y tế tại 03 bệnh viện công lập; (3) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng chống tác hại của thuốc lá tại 07 bệnh viện; (4) Chất lượng nước uống, nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Qua đó đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực y tế đối với 28 cơ sở với số tiền 79.250.000 đồng.

Ngoài ra đã phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành 178, Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh, Chi cục ATTP lập biên bản và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực y tế 12 cơ sở với số tiền 82.500.000 đồng.

II. Cung ứng dịch vụ y tế theo các lĩnh vực

1. Khám, chữa bệnh

Trong năm các cơ sở y tế trong tỉnh đã khám, điều trị bệnh cho 5.087.615 lượt người, điều trị nội trú cho 256.518 bệnh nhân. Chất lượng khám chữa bệnh tiếp tục được nâng lên, duy trì được các kỹ thuật y tế chất lượng cao như mổ tim hở, nong mạch vành, phẫu thuật nội soi, xạ trị điều trị bệnh ung thư,... Đã hoàn thành và đưa vào hoạt động cơ sở mới của Khoa Nội B – BVĐK tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 17/4/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2014 – 2020, Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện đồng bộ các giải pháp như đầu tư mở rộng khoa khám bệnh, bố trí thêm bàn khám, cải tiến quy trình khám bệnh, xét nghiệm, kê đơn, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý khám bệnh và thanh toán BHYT,... Tổng số giường bệnh kế hoạch năm 2017 tuyển tỉnh và tuyển huyện (kể cả ngoài công lập) là 4.760 giường, tăng 90 giường so với năm 2016; số giường bệnh/vạn dân đạt 26,57 giường, trong đó tỷ lệ giường bệnh ngoài công lập đạt 8,4%. Đến nay cơ bản đã khắc phục được tình trạng quá tải tại BVĐK tỉnh, chỉ còn quá tải cục bộ ở một số khoa và một vài bệnh viện tuyển huyện⁴.

Bên cạnh đó, ngành y tế đã chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện Đề án 1816 cử cán bộ y tế từ bệnh viện tuyển trên về hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật cho bệnh viện tuyển dưới. Trong năm có 216 lượt cán bộ y tế (trong đó có 210 bác sĩ) luân phiên về hỗ trợ tuyển dưới; có 44 lượt kỹ thuật lâm sàng được chuyển giao, nổi bật là chuyển giao kỹ thuật mổ nội soi khớp gối, mổ Phaco và lọc máu nhân tạo do BVĐK tỉnh chuyển giao cho BVĐK Giồng Riềng và BVĐK Phú Quốc; số lượt cán bộ y tế được huấn luyện chuyển giao là 780 lượt. Duy trì hoạt động mô hình bệnh viện vệ tinh, BVĐK tỉnh là vệ tinh của các bệnh viện lớn ở Tp.HCM như BV Chợ Rẫy, BV Ung bướu, BV Chấn thương chỉnh hình.

Đẩy mạnh thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện theo 83 tiêu chí chất lượng do Bộ Y tế ban hành. Năm 2017 có 8 bệnh viện đạt mức chất lượng khá (tăng 2 bệnh viện)⁵, 7 bệnh viện và 4 trung tâm y tế có giường bệnh đạt mức trung bình, không có bệnh viện yếu kém.

⁴ BVĐK tỉnh: Khoa tim mạch, Chấn thương chỉnh hình, Nhi, Sản, Nội tổng quát; BV YHCT. Tuyển huyện: BVĐK KV Giồng Riềng, BVĐK An Minh.

⁵ BVĐK tỉnh, BV YHCT tỉnh, BVĐK Hà Tiên, Kiên Lương, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Vinmec PQ, BV Bình An.

Mạng lưới khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền tiếp tục được ổn định và từng bước phát triển. Đến nay có 98/143 trạm y tế và PKĐK khu vực có triển khai khám chữa bệnh bằng YHCT, đạt 68,53%; 14/17 cơ sở y tế có giường bệnh có khoa/tổ YHCT, đạt 82,35%. Tổng số lượt khám chữa bệnh bằng YHCT hoặc có kết hợp YHHĐ là 671.697 lượt, chiếm 14,38% tổng số lượt khám chữa bệnh trong năm.

Tiếp tục tăng cường quản lý hành nghề y dược, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và các quy chế chuyên môn; đẩy nhanh việc cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Năm 2017 đã cấp 1.538 CCHN y, 147 GPHĐ khám chữa bệnh, 186 CCHN dược, 135 giấy chứng nhận ĐĐKKD dược, cấp 133 giấy chứng nhận thực hành tốt nhà thuốc (GPP) và 02 giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc (GDP)⁶.

2. Y tế dự phòng

a) Phòng, chống dịch bệnh

Nhìn chung, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, không chế kịp thời, tính đến ngày 31/12/2017 số mắc/số tử vong như sau: Sốt xuất huyết (1.561/1), tay chân miệng (1.635/0), Tả (0/0), Thương hàn (2/0), Viêm não vi rút (1/0), Viêm màng não do NMC (0/0), Cúm A H5N1 (0/0), Sởi (0/0).

Do tình hình thời tiết diễn biến phức tạp và là năm chu kỳ phát triển của bệnh sốt xuất huyết nên số cas mắc tăng cao so với cùng kỳ (tăng 299 cas # 24,32%), tử vong 1 cas (giảm 2 cas). Tỷ lệ mắc/100.000 dân là 79,69 cas, tỷ lệ tử vong/mắc là 0,066%. Kiên Giang có số cas mắc thấp, đứng thứ 15 so với 20 tỉnh phía Nam, và đứng thứ 10 so với 13 tỉnh ĐBSCL.

Bệnh tay chân miệng tăng 872 cas so với năm 2016, không có tử vong. Hầu hết các huyện đều có số mắc tăng so với cùng kỳ. Đây là bệnh chưa có thuốc điều trị đặc hiệu và vắc xin dự phòng.

b) Phòng, chống HIV/AIDS

Trong năm đã duy trì các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi dự phòng lây nhiễm HIV, can thiệp giảm tác hại do HIV/AIDS, chăm sóc và điều trị kháng virus HIV, tư vấn, xét nghiệm, giám sát HIV/AIDS. Các cơ sở y tế đã thực hiện 85.435 xét nghiệm, trong đó có 3.112 đối tượng nguy cơ cao⁷. Phát hiện mới 213 cas HIV dương tính. Tính đến thời điểm 31/12/2017, số người còn sống ở địa phương nhiễm HIV là 2.171 người, trong giai đoạn AIDS là 1.457 người. Trong năm điều trị ARV cho 253 bệnh nhân HIV/AIDS, lũy kế số bệnh nhân điều trị là 1.594 người, trong đó có 110 trẻ dưới 15 tuổi. Có 32/33 bà mẹ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng bằng ARV, 29/29 trẻ phơi nhiễm

⁶ Lũy kế đến nay đã cấp 5.485 CCHN y, 917 GPHĐ khám chữa bệnh, 1.762 CCHN dược, 1.142 giấy chứng nhận ĐĐKKD dược, 838 giấy chứng nhận GPP và 15 giấy chứng nhận GDP.

⁷ Đối tượng: Người nghiện chích ma túy, phụ nữ bán dâm, nam quan hệ đồng giới, bệnh nhân nghi ngờ AIDS, bệnh nhân mắc các bệnh nhiễm trùng, bệnh nhân lao, người tự nguyện.

do sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng, 18/29 trẻ được làm xét nghiệm chẩn đoán sớm bằng kỹ thuật PCR, không có trẻ bị lây truyền HIV từ mẹ sang con. Đã đưa vào hoạt động Trung tâm điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone, đến nay đã tiếp nhận và điều trị cho 93 người.

c) Phòng, chống các bệnh xã hội và bệnh nguy hiểm cho cộng đồng

Trong năm qua đã tăng cường tuyên truyền, tư vấn, khám phát hiện sớm và điều trị có hiệu quả, quản lý chặt chẽ các bệnh phong, lao, tâm thần. Phát hiện mới 07 BN phong, 2.682 BN lao, 64 BN tâm thần phân liệt và 77 BN động kinh. Đã điều trị khỏi bệnh cho 2.337 BN lao, chăm sóc tàn tật cho 364 BN phong. Tính đến thời điểm báo cáo, các cơ sở y tế đang quản lý và điều trị 432 BN phong, 5.273 BN lao, 2.182 BN tâm thần phân liệt và 2.723 BN động kinh.

Tiếp tục duy trì tầm soát bệnh tiểu đường, cao huyết áp, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và bệnh ung thư. Trong năm qua đã tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho y bác sĩ để thực hiện tốt các nhiệm vụ này.

d) Quản lý môi trường y tế

Tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Trong năm đã tiến hành lập hồ sơ vệ sinh lao động và đo quan trắc môi trường lao động cho 378 cơ sở với tổng số 15.356 mẫu đo. Tổ chức khám và quản lý bệnh nghề nghiệp cho 24 doanh nghiệp với tổng số người khám 1.795 người, trong đó: Đo thính lực sơ bộ là 1.037 người; Đo thính lực hoàn chỉnh 173 người; Đo chức năng hô hấp là 534 người; Chụp X.quang bụi phổi là 33 người; Xét nghiệm men Cholinesterase: 51 người.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 01/11/2017 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2017 – 2020.

3. An toàn vệ sinh thực phẩm

Bảo đảm thực hiện tốt các biện pháp nhằm phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, đặc biệt vào các ngày lễ hội, ngày Tết, và các sự kiện lớn trong tỉnh. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ATTP, xác nhận kiến thức cho 7.187 học viên của các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm; cấp 626 Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh thực phẩm. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống. Trong năm đã phối hợp thực hiện thanh, kiểm tra 19.834 cơ sở, phát hiện 3.284 cơ sở không đảm bảo ATVSTP, qua đó nhắc nhở 2.932 cơ sở, đã xử lý 352 cơ sở trong đó phạt tiền 184 cơ sở với số tiền 212.040.000 đồng, cảnh cáo 3 cơ sở, cho ký cam kết 139 cơ sở, tiêu hủy sản phẩm của 120 cơ sở với 159 loại/1.884 kg thực phẩm không đảm bảo an toàn.

Trong năm, không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra. Có 205 trường hợp mắc lẻ, chủ yếu do tác dụng độc của cò, không có tử vong.

4. Dân số, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản

Nhìn chung, hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình tiếp tục đạt được các kết quả khích lệ. Trong năm tổng số người áp dụng các biện pháp tránh thai là 141.597 người đạt 128% kế hoạch; Tỷ lệ chấp nhận các biện pháp tránh thai ở các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đạt 76,4%; Tổng số trẻ sinh ra sống là 28.291 trẻ; mức giảm tỷ lệ sinh đạt 0,2‰; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 6,99‰.

Tuy nhiên, số phụ nữ sinh con thứ 3 còn khá cao (2.649 người, chiếm 9,4% số phụ nữ sinh trong năm); Tỷ số giới tính khi sinh 110 bé trai/100 bé gái.

Thực hiện tốt công tác quản lý thai, khám và điều trị phụ khoa để thực hiện tốt mục tiêu thiên niên kỷ về giảm tử vong mẹ, tử vong trẻ em. Bên cạnh đó, công tác phòng, chống suy dinh dưỡng đã được toàn ngành tích cực triển khai thực hiện, khắc phục cơ bản tình trạng thiếu Vitamin A, giảm đáng kể tình trạng thiếu máu dinh dưỡng, kiểm soát các bệnh mãn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng. Tổng số phụ nữ đẻ năm 2017 là 28.245 người, trong đó tỷ lệ được quản lý thai đạt 99,55%, tỷ lệ được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ là 100%, tỷ lệ được chăm sóc tuần đầu sau sinh là 97,93%. Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 12,21‰, dưới 5 tuổi là 18,3‰. Số trẻ từ 6 - 36 tháng uống Vitamin A đạt 100%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể cân nặng/tuổi là 13,2%. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được miễn dịch đầy đủ đạt 99,5%.

5. Tăng cường y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 1535/KH-SYT ngày 29/10/2015 của Sở Y tế về việc thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020, đến nay có 99/145 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 (đạt tỷ lệ 68,28%); 75,86% trạm y tế xã có bác sỹ làm việc (bao gồm cả các xã có bác sỹ làm việc từ 2 buổi/tuần trở lên); 100% trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi; 95,62% ấp, khu phố trong toàn tỉnh đã có nhân viên y tế hoạt động.

Nhằm từng bước nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến y tế xã, Sở Y tế đã xây dựng và ban hành Quyết định số 3059/QĐ-SYT ngày 21/9/2017 phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tại trạm y tế xã, phường, thị trấn đến năm 2025”.

6. Y tế biển đảo, kết hợp quân dân y

- *Về Y tế biển, đảo*: Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 32/KH-UBND, ngày 17/4/2014 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Nhìn chung, các cơ sở y tế tại các xã và huyện đảo được đầu tư nâng cấp. Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải, Bệnh viện đa khoa huyện Phú Quốc và 17 trạm Y tế, phòng khám khu vực thuộc xã biển đảo đều được cải tạo, nâng cấp và xây mới, bổ sung nhiều trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Đề án kiểm soát dân số vùng biển, đảo và ven biển tiếp tục được triển khai có hiệu quả.

- *Kết hợp Quân dân y*: Ban Quân dân y các cấp phát huy vai trò lãnh đạo trong huy động lực lượng quân y, dân y tham gia vào việc chăm sóc sức khỏe

nhân dân; phòng, chống dịch bệnh; tăng cường y tế cơ sở; xây dựng kế hoạch sẵn sàng đáp ứng với các tình huống khẩn cấp.

7. Truyền thông, giáo dục sức khỏe

Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe đã được triển khai thường xuyên và chủ động vào những thời điểm thích hợp mang lại hiệu quả cao nhất, góp phần thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân. Trong năm đã hợp tác có hiệu quả với đài phát thanh, truyền hình và báo Kiên Giang để thực hiện công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, duy trì thường xuyên các chuyên mục “Vì sức khỏe cộng đồng”, Chương trình gặp gỡ đối thoại “Thầy thuốc với mọi nhà”. Tổ chức tốt các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng như: Thăm hộ gia đình 82.606 lượt; Thảo luận nhóm 41.501 lượt; Tư vấn sức khỏe 269.294 lượt. Phát triển các tài liệu truyền thông như bản tin, tờ rơi, biển báo,... với số lượng 312.450 cái. Các chủ đề truyền thông năm 2017 tập trung vào tuyên truyền phòng chống bệnh Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, tác hại thuốc lá.

8. Công tác kiểm nghiệm, giám định y khoa - pháp y, bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường

Trong năm đã thực hiện 769 mẫu kiểm nghiệm tân dược, đông dược, mỹ phẩm và dược liệu, đáp ứng đầy đủ, kịp thời góp phần trong việc quản lý chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm. Giám định sức khỏe cho 493 trường hợp người có công, nạn nhân chất độc hóa học, bệnh nghề nghiệp; khám sức khỏe tuyển dụng, lái xe 23.911 lượt. Giám định pháp y 745 trường hợp. Đo môi trường lao động 378 cơ sở, khám tầm soát bệnh nghề nghiệp cho 1.795 lượt người.

III. Nhân lực y tế và khoa học công nghệ

Sở Y tế đã tổ chức thành công kỳ thi tuyển dụng viên chức ngành y tế, các đơn vị đã thực hiện ký hợp đồng lao động đối với những người trúng tuyển. Đến nay, tổng số người lao động trong ngành y tế là 8.424 người (bình quân số cán bộ y tế/vạn dân là 47,01, đạt chỉ tiêu KH). Trong đó: 1.186 bác sĩ (số BS/vạn dân đạt 6,62, đạt chỉ tiêu KH).

Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo theo quy hoạch, triển khai công tác đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế. Trong năm đã đào tạo sau đại học 88 học viên (5 cao học, 7 chuyên khoa cấp II, 76 chuyên khoa cấp I); đưa đi đào tạo liên thông đại học 70 viên chức; đào tạo theo địa chỉ sử dụng 71 học sinh. Phối hợp Đại học Y dược Cần Thơ đào tạo tại tỉnh 1 lớp điện tim với 34 học viên, 1 lớp siêu âm cơ bản với 62 học viên và 1 lớp quản lý bệnh viện với 26 học viên. Phối hợp Viện Y học biển – Bộ Y tế tổ chức 1 lớp huấn luyện về y học biển cho 60 học viên.

Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với 507 viên chức ngành y tế từ hạng 4 lên hạng 3; Cử 25 bác sĩ thi thăng hạng bác sĩ chính.

Tổ chức nghiệm thu 231 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và 105 sáng kiến cấp cơ sở.

IV. Dược, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng

1. Quản lý dược

Tổ chức tốt việc thực hiện quy định về quản lý dược và mỹ phẩm theo từng lĩnh vực như: Quản lý thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất, xây dựng danh mục và lập đơn hàng thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất theo quy định tại Nghị định số 54/2017/NĐ-CP và Thông tư số 20/2017/TT-BYT; Kịp thời thông báo thu hồi thuốc không đạt chất lượng; thông báo phản ứng phụ, có hại của thuốc; thông báo thu hồi thuốc giả và thuốc không đảm bảo chất lượng; Đảm bảo quản lý thông tin quảng cáo thuốc, năm 2017 tiếp nhận 67 hồ sơ đăng ký hội thảo, quảng cáo thuốc (chủ yếu là hồ sơ hội thảo thuốc nước ngoài, thuốc phải kê đơn), 01 hồ sơ quảng cáo mỹ phẩm; Kiểm soát được giá thuốc trên địa bàn, trong năm không có biến động lớn, không phát hiện hiện tượng đầu cơ, tích trữ găm hàng gây mất ổn định và tăng giá thuốc bất hợp lý; Làm tốt công tác quản lý kinh doanh dược, tỉnh Kiên Giang hiện đang có thị trường dược phẩm tương đối sôi động, đảm bảo cung ứng thuốc đến tận tay người dân; Công tác đấu thầu cung ứng thuốc đã đạt được kết quả nhất định, trong năm đã tổ chức thành công việc tổ chức đấu thầu mua thuốc cho các cơ sở khám. Chữa bệnh trên đại bàn toàn tỉnh; Công tác bình bệnh án, bình đơn thuốc ở từng bệnh viện có chuyên môn tích cực; Công tác cảnh giác dược được quan tâm, kịp thời và báo về Trung tâm ADR phía nam, tổ chức tốt công tác thông tin thuốc.

2. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

Năm 2017 ngành y tế tập trung đầu tư xây mới các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa cấp tỉnh. Tình hình triển khai các dự án trọng điểm như sau:

- Bệnh viện Lao (Tổng vốn đầu tư 329,134 tỷ đồng): Kế hoạch vốn năm 2017 giao 56,146 tỷ đồng, khối lượng hoàn thành 56,146 tỷ, giải ngân 100%. Lũy kế vốn giải ngân đến kỳ báo cáo 190,743 tỷ đồng.

- Bệnh viện Ung bướu (Tổng vốn đầu tư 832,598 tỷ đồng). Đã hoàn thiện hạng mục Trung tâm Y học hạt nhân và xạ trị và lắp đặt thiết bị PET CT. Riêng hạng mục khối nhà chính BV đang tạm dừng do Bộ Xây dựng chưa xác định được nguồn vốn. Kế hoạch vốn năm 2017 giao 145,371 tỷ đồng, khối lượng hoàn thành 145,371 tỷ, giải ngân 100%. Lũy kế vốn giải ngân đến kỳ báo cáo 627,290 tỷ đồng.

- Bệnh viện Tâm thần (Tổng vốn đầu tư 166,192 tỷ đồng): Kế hoạch vốn năm 2017 giao 15,541 tỷ đồng, khối lượng hoàn thành 15,541, giải ngân 100%. Lũy kế vốn giải ngân đến kỳ báo cáo 86,969 tỷ đồng.

- Bệnh viện Sản nhi (Tổng vốn đầu tư 915,857 tỷ đồng): Kế hoạch vốn năm 2017 giao 127 tỷ đồng, khối lượng hoàn thành 127 tỷ, giải ngân 100%. Lũy kế vốn giải ngân đến kỳ báo cáo 300,990 tỷ đồng.

- Khoa Nội B - Bệnh viện đa khoa Kiên Giang (Tổng vốn đầu tư 329,066 tỷ đồng): Kế hoạch vốn năm 2017 giao 15,474 tỷ đồng, khối lượng hoàn thành 15,474 tỷ, giải ngân 100%. Lũy kế vốn giải ngân đến kỳ báo cáo 267,230 tỷ đồng.

- Bệnh viện đa khoa tỉnh 1.020 giường (Tổng vốn đầu tư phần xây dựng 2.929,194 tỷ đồng, chưa có phần thiết bị). Kế hoạch vốn năm 2017 giao 258 tỷ đồng, khối lượng hoàn thành 258 tỷ, giải ngân 100%. Lũy kế vốn giải ngân đến kỳ báo cáo 705,023 tỷ đồng.

Trong năm các đơn vị trực thuộc mua sắm tài sản, trang thiết bị y tế từ nguồn vốn phát triển sự nghiệp để thay thế các thiết bị cũ hư hỏng. Việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị tại các đơn vị được quan tâm thực hiện. Nhìn chung, việc khai thác sử dụng trang thiết bị ở các bệnh viện và trung tâm y tế có giường bệnh tương đối hiệu quả, đáp ứng cơ bản nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân.

V. Tài chính y tế

1. Đổi mới cơ chế tài chính, giá dịch vụ khám chữa bệnh

Sở Y tế đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT, được triển khai áp dụng vào đầu năm 2018.

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh giao dự toán ngân sách chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp ngành y tế năm 2018 trên cơ sở rà soát, dự báo tình hình thu, chi tài chính khi áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cơ cấu cả tiền lương.

2. Bảo hiểm y tế

Phối hợp cùng với cơ quan BHXH tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHYT. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 81%. Trong năm, số lượt khám bệnh BHYT là 2.329.879 lượt, điều trị nội trú BHYT 204.760 lượt. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh, xét nghiệm và thanh toán BHYT, đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT. Đến nay có 154/161 (đạt 95,65%) cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế ký hợp đồng khám chữa bệnh BHYT, còn 7 trạm y tế chưa ký hợp đồng với BHXH. Trong số 154 cơ sở khám chữa bệnh BHYT, có 152 cơ sở sử dụng phần mềm VNPT-HIS, riêng BVĐK tỉnh sử dụng phần mềm của Ykhoa.net và BV YHCT tỉnh sử dụng phần mềm của Netcom. Phần mềm HIS đã hỗ trợ tốt việc kết nối liên thông cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh trong toàn tỉnh và tự động kết nối liên thông hằng ngày về cổng kết nối cơ sở dữ liệu của Bộ Y tế. Ngoài các chức năng hỗ trợ kết xuất dữ liệu thành công và gửi dữ liệu vào cổng giám định BHYT thông qua hệ thống VAS, phần mềm còn giúp gửi dữ liệu trực tiếp từng bệnh nhân ngay sau khi hoàn tất quá trình khám bệnh lên cổng giám định BHYT.

3. Thực hiện chi ngân sách nhà nước cho y tế

a) Chi đầu tư phát triển

Kế hoạch vốn năm 2017 là 714.569 triệu đồng, trong đó: Vốn xố số kiến thiết là 343.657 triệu đồng; Vốn từ nguồn thu sử dụng đất là 215.000 triệu đồng; Vốn Trái phiếu Chính phủ là 155.912 triệu đồng. Tổng giải ngân đến hết năm 2017 là 714.569 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn.

b) Chi thường xuyên (Có báo cáo riêng)

VI. Thông tin y tế

Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 07/CT-BYT ngày 19/6/2014 của Bộ Y tế về việc tăng cường công tác truyền thông, cung cấp thông tin y tế, và các Thông tư số 06, 27, 28, 29 và 32 của Bộ Y tế về công tác thống kê y tế⁸. Từng bước tăng cường chất lượng thống kê y tế, góp phần định hướng phát triển ngành. Tổ chức thực hiện tốt quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan báo chí, góp phần làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền và định hướng dư luận.

Phần thứ hai

MỘT SỐ TỒN TẠI, THÁCH THỨC

1- Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tuy được đầu tư cơ bản nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong tình hình hiện nay.

2- Chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tuy được nâng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, đặc biệt ở tuyến cơ sở (huyện và xã). Vẫn còn tình trạng quá tải cục bộ ở một số khoa của BVĐK tỉnh và một số bệnh viện tuyến huyện. Tinh thần và thái độ phục vụ có cải thiện, nhưng trong một số trường hợp vẫn chưa đáp ứng được sự hài lòng của người bệnh. Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh BHYT mặc dù đã có những chuyển biến rất rõ nét, nhưng vẫn cần được tiếp tục cải tiến để đáp ứng ngày càng tốt hơn với sự hài lòng của người bệnh, đặc biệt là tại tuyến cơ sở. Người dân vẫn còn chưa hài lòng về thủ tục trong khám, chữa bệnh, chuyển tuyến, thanh toán BHYT.

3- Tình hình dịch bệnh diễn biến khó lường nhất là sốt xuất huyết và tay chân miệng. Một số bệnh dịch có vắc xin phòng bệnh vẫn có nguy cơ bùng phát trở lại như sởi, bạch hầu, ho gà. Công tác phòng, chống dịch bệnh có lúc, có nơi chưa sẵn sàng, bị động, phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ tuyến tỉnh. Hành vi nguy cơ

⁸ Thông tư số 06/2014/TT-BYT ngày 14/2/2014 ban hành danh mục hệ thống chỉ số cơ bản ngành y tế; Thông tư số 27/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014 quy định hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với cơ sở tuyến tỉnh, huyện, xã; Thông tư số 28/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014 ban hành nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành y tế; Thông tư số 29/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014 quy định biểu mẫu và chế độ báo cáo thống kê y tế áp dụng đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân sử dụng thống nhất trên toàn quốc; Thông tư số 32/2014/TT-BYT ngày 30/9/2014 ngày 30/9/2015 ban hành danh mục chỉ tiêu thống kê y tế cơ bản áp dụng cho tuyến tỉnh, huyện và xã.

lây nhiễm HIV trong các nhóm đối tượng can thiệp vẫn ở mức cao trong khi tỷ lệ tiếp cận dịch vụ can thiệp còn thấp.

4- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Chất lượng hoạt động của nhiều trạm y tế tuyến xã chưa đạt yêu cầu, số trạm y tế có bác sĩ cố định còn ít, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế còn thấp. Công tác quản lý các bệnh mãn tính, không lây như tiểu đường, cao huyết áp, thấp khớp, chăm sóc sức khỏe học đường, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi,... chưa được thực hiện tốt.

5- Công tác đầu thầu mua thuốc, dược liệu, vật tư y tế, vaccine và mua sắm tài sản nhà nước còn nhiều yếu kém làm chậm tiến độ cung ứng thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Công tác dược lâm sàng chưa được triển khai đầy đủ dẫn đến việc sử dụng thuốc cho người bệnh có lúc, có nơi chưa hợp lý, thiếu an toàn, chưa tiết kiệm cho người bệnh về chi phí sử dụng thuốc.

6- Nhân lực y tế còn thiếu, có sự chênh lệch về số lượng, chất lượng và phân bố không đồng đều giữa các tuyến, còn thiếu nhiều bác sĩ ở tuyến y tế cơ sở, đặc biệt là bác sĩ chuyên khoa để sẵn sàng nguồn nhân lực cho các bệnh viện mới. Công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ngành y tế còn nhiều bất cập. Nhiều người trong diện quy hoạch thì không đáp ứng điều kiện tuyển sinh, ngược lại những người thi đủ điểm thì không có trong danh sách quy hoạch phải bỏ tiền túi chi trả kinh phí đào tạo. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo kế thừa cũng còn hụt hẫng, chưa quan tâm đúng mức trong việc phát hiện, bồi dưỡng và động viên những cán bộ trẻ có năng lực để tạo nguồn.

7- Việc triển khai thực hiện Đề án 966/ĐA-UBND của UBND tỉnh về việc tổ chức lại hệ thống tổ chức bộ máy ngành y tế tỉnh Kiên Giang còn chậm. Quá trình triển khai chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc sắp xếp bố trí cán bộ lãnh đạo và số viên chức bị dôi dư khi sáp nhập.

8- Công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân chưa tốt, chưa kiểm soát được chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và hoạt động cung ứng thuốc chữa bệnh tư nhân trên địa bàn; chưa kiểm soát được hoạt động kê khai và niêm yết giá ở các cơ sở hành nghề y dược tư nhân.

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018

A. Dự báo tình hình

Dịch bệnh trên thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, một số bệnh truyền nhiễm như Ebola, Zika,... tiếp tục hoành hành ở một số quốc gia, khu vực. Trong nước tình hình dịch bệnh cũng diễn biến khó lường như sốt xuất huyết, tay chân miệng,... Các bệnh truyền nhiễm gây dịch khác như sởi, bạch hầu, ho gà, rubella còn nhiều nguy cơ phát triển và bùng phát. Bên cạnh đó, tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn,... cũng dẫn đến gia tăng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, thay đổi mô hình bệnh tật, trực tiếp đe dọa tới sức khỏe con

người đặc biệt những người nghèo và cận nghèo. Các bệnh liên quan với biến đổi khí hậu nằm trong số những bệnh gây tử vong lớn nhất toàn cầu. Cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân.

Năm 2018 toàn ngành tập trung triển khai thực hiện Đề án số 996/ĐA-UBND ngày 25/4/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại hệ thống tổ chức bộ máy ngành y tế tỉnh Kiên Giang chắc chắn sẽ gặp nhiều trở ngại, khó khăn cần phải có sự quyết tâm và đồng thuận cao trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành từ tỉnh đến cơ sở.

Việc thực hiện đổi mới cơ chế tài chính tiến tới tự chủ trong ngành y tế trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí thuốc, vật tư y tế và tiền lương vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh là một thách thức lớn đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong toàn ngành.

B. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống nhân dân trong tỉnh. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế "Thầy thuốc phải như mẹ hiền", có năng lực chuyên môn vững vàng, tiếp cận trình độ quốc tế.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Căn cứ tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản năm 2017 và kế hoạch phát triển sự nghiệp y tế giai đoạn 2015 - 2020, Sở Y tế đề xuất 24 chỉ tiêu năm 2018 (Phụ lục đính kèm).

C. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

I. Công tác tham mưu, quản lý, điều hành

1. Tổ chức quán triệt và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên

Tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh, Ban Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên. Kịp thời triển khai, quán triệt và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên đến các đơn vị trực thuộc để thống nhất thực hiện. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong toàn ngành, qua đó nâng cao nhận thức và hành động để thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Tập trung quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 20-NQ/TW và 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Chương trình hành động số 33-CTr/TU và số 34-CTr/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy và các Kế hoạch của UBND tỉnh về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và công tác dân số trong tình hình mới.

2. Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án số 966/ĐA-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh về việc tổ chức lại hệ thống tổ chức bộ máy ngành y tế tỉnh Kiên Giang.

3. Công tác cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục thực hiện công khai các thủ tục hành chính lên Website, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, thực hiện mô hình “Một cửa” tại Văn phòng Sở Y tế. Tiếp tục nghiên cứu cải tiến các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, thu viện phí nhằm giảm thời gian chờ đợi và di chuyển của người bệnh.

4. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh

Tăng cường giáo dục y đức cho cán bộ y tế. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới phong cách, thái độ phục vụ gắn với cải cách hành chính trong khám chữa bệnh. Tiếp tục tổ chức ký cam kết thực hiện; Tổ chức tập huấn kỹ năng giao tiếp, ứng xử; Thành lập, kiện toàn phòng/bộ phận thực hiện công tác xã hội trong bệnh viện; Phối hợp chặt chẽ với Hội Thầy thuốc trẻ để củng cố hoạt động của đội tình nguyện, tiếp sức người bệnh; Duy trì hoạt động đường dây nóng, hòm thư góp ý; Tung đơn vị xây dựng kế hoạch, triển khai trang phục y tế theo quy định của Thông tư số 45/2015/TT-BYT.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, chấm điểm, khảo sát sự hài lòng của người bệnh tại các đơn vị. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đồng thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân và tập thể thực hiện tốt kế hoạch.

5. Công tác thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm

Xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch thanh tra năm 2018, tập trung vào thanh tra công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; thanh tra toàn diện một số đơn vị sự nghiệp công lập; việc thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế; việc thực hiện chính sách, pháp luật trong xã hội hóa công tác y tế... thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong công tác triển khai thực hiện Luật Tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật tố cáo, tiếp nhận ý kiến phản ánh của người dân qua đường dây nóng.

II. Cung ứng dịch vụ y tế theo các lĩnh vực

1. Khám, chữa bệnh

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Tập trung nâng cao năng lực khám bệnh, chữa bệnh cho các Trạm Y tế xã (phường, thị trấn), đảm bảo đủ thuốc thiết yếu phục vụ công tác điều trị, tăng cường cử bác sĩ từ các bệnh viện/trung tâm y tế huyện về hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật cho trạm y tế xã, bảo đảm có bác sĩ

phục vụ 2 buổi/tuần, thực hiện được ít nhất 50% danh mục kỹ thuật theo phân vùng.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 17/4/2014 của UBND tỉnh về việc giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2014 – 2020. Thực hiện hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị thống nhất trong cả nước. Sử dụng bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng bệnh viện. Thực hiện lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh; lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám, chữa bệnh gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ; khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ ngay tại tuyến dưới. Tăng cường công tác điều trị ngoại trú, triển khai và phát triển mô hình khám, chữa bệnh trong ngày.

Tiếp tục thực hiện chính sách quốc gia về y dược học cổ truyền, củng cố phát triển các khoa YHCT ở các cơ sở khám chữa bệnh, tăng cường mở rộng khám chữa bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với y học hiện đại.

Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng bệnh viện xanh-sạch-đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

Thực hiện tốt công tác cấp chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động trong lĩnh vực hành nghề y dược. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật có liên quan đến hoạt động hành nghề y dược tư nhân. Hướng dẫn, giúp đỡ các cơ sở hành nghề y dược tư nhân thực hiện tốt các quy định của pháp luật, thực hiện các nghĩa vụ như nộp thuế, kê khai giá, báo cáo định kỳ tình hình hoạt động, báo cáo thống kê y tế, báo cáo các sự cố, tai biến trong quá trình hành nghề...

2. Y tế dự phòng

Kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, đặc biệt ở các cửa khẩu, không chế dịch bệnh kịp thời, không để dịch lớn xảy ra, ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, các sự cố môi trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc giữ gìn sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát các bệnh không lây, bệnh nghề nghiệp và các bệnh nguy hiểm cho cộng đồng như bệnh lao, sốt rét, động kinh, tâm thần; phòng chống tai nạn thương tích.

Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục thay đổi hành vi dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS; tăng cường chất lượng điều trị ARV cho người có HIV/AIDS, điều trị dự phòng cho các bà mẹ mang thai có HIV và những đứa trẻ sinh ra từ những người mẹ có HIV.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về công tác quản lý môi trường y tế, xử lý nước thải, chất thải độc hại ngành y tế. Thực hiện các giải pháp nhằm chống ô nhiễm môi trường bệnh viện. Đẩy mạnh triển khai các dự án xử lý nước thải và chất thải rắn y tế đã được phê duyệt để sớm đưa vào hoạt động. Tranh thủ các

nguồn vốn tài trợ của ngân hàng thế giới và các nguồn vốn khác để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn.

3. An toàn vệ sinh thực phẩm

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm. Tăng cường thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giải quyết kịp thời các sự cố mất an toàn thực phẩm; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm hoặc buông lỏng quản lý an toàn thực phẩm.

Triển khai các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là các bữa ăn tập thể quy mô lớn, vào các ngày lễ, Tết và các sự kiện lớn của tỉnh.

4. Dân số, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản

- Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang nhằm đạt được mục tiêu giải quyết toàn diện các vấn đề dân số cả về quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Triển khai thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang nhằm đạt được mục tiêu khống chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên.

5. Tăng cường y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu

Tập trung triển khai đồng bộ, mạnh mẽ các hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; tăng cường công tác dự phòng, nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính cần phải chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở như tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản... và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

6. Y tế biển đảo, kết hợp quân dân y

Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong củng cố y tế cơ sở và đảm bảo y tế trong các tình huống khẩn cấp.

Kiện toàn lực lượng dự bị động viên và lực lượng huy động ngành y tế thực hiện Quyết định 1975/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 và Kế hoạch 92/KH-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang.

Triển khai tốt nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh trong ngành y tế năm 2018 theo Chỉ thị số 07/CT-BYT ngày 04/01/2018 của Bộ Y tế.

Triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 17/4/2014 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Phát triển y tế biển đảo Việt Nam đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

7. Truyền thông, giáo dục sức khỏe

Tiếp tục kiện toàn tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe các cấp. Phân đầu cải thiện từng bước kiến thức, thực hành trong mỗi gia đình, cộng đồng để tự chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

Tập trung tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 20-NQ/TW về tăng cường công tác dân số trong tình hình mới.

Tăng cường công tác truyền thông phòng, chống dịch, bệnh, đặc biệt là sốt xuất huyết, tay chân miệng; phòng, chống các bệnh không lây nhiễm như Tiểu đường, cao huyết áp, tim mạch, ung thư; an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường.

8. Công tác kiểm nghiệm, giám định y khoa - pháp y, bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường

Kiện toàn bộ máy tổ chức, tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác kiểm nghiệm, giám định, đo môi trường lao động và khám bệnh nghề nghiệp. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và kiến thức pháp luật cho đội ngũ giám định viên, kiểm nghiệm viên.

III. Nhân lực và khoa học công nghệ

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 phê duyệt Kế hoạch đảm bảo nguồn nhân lực ngành y tế tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Tiếp tục triển khai công tác nghiên cứu khoa học trong toàn ngành, tổ chức nghiệm thu các đề tài/sáng kiến cấp cơ sở. Triển khai hoạt động ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, các sáng kiến đã được công nhận vào hoạt động thực tiễn ở các cơ quan, đơn vị.

IV. Dược, trang thiết bị và công trình y tế

- Đảm bảo đủ thuốc thiết yếu phục vụ công tác dự phòng và điều trị bệnh, kiểm soát chất lượng thuốc, giá thuốc và tác dụng phụ của thuốc, nguồn gốc và chất lượng đông dược và dược liệu. Triển khai công tác dược lâm sàng, đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu tập trung thuốc, hóa chất và vật tư, trang thiết bị y tế; Thực hiện nghiêm Chi thị số 2023/CT-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Tăng cường quản lý, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án BVĐK tỉnh 1020 giường, Bệnh viện Lao, Ung bướu, Sản nhi, Tâm thần. Tranh thủ các nguồn vốn viện trợ nước ngoài trong mua sắm và cung cấp trang thiết bị, ưu tiên cho tuyến y tế cơ sở.

- Tăng cường quản lý và khai thác sử dụng và hiệu quả các trang thiết bị đã được đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng công tác khám và điều trị bệnh.

V. Tài chính y tế

Nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách. Triển khai thực hiện cơ chế tài chính mới theo hướng giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp; thực hiện thu viện phí mới theo lộ trình gắn với nâng cao chất lượng phục vụ khi có hướng dẫn.

Tiếp tục phối hợp cùng với cơ quan BHXH tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHYT. Phát triển BHYT toàn dân, phần đầu năm 2018 tỷ lệ dân số tham gia BHYT cao hơn 84%.

VI. Thông tin y tế

Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin y tế ở các cấp; nâng cao chất lượng thông tin y tế với độ chính xác, tính đại diện, kịp thời và đầy đủ. Tăng cường khả năng tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu. Xây dựng cơ sở chia sẻ thông tin, cơ chế phản hồi về chất lượng thông tin y tế, đặc biệt sử dụng hiệu quả hệ thống Website y tế trực thuộc cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh. Từng bước hiện đại hóa hệ thống thông tin phù hợp với khả năng và nhu cầu từng tuyến, từng đơn vị. Thực hiện tốt quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin cho cơ quan thông tấn, báo chí một cách kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch.

Phần thứ tư

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, ngành và đoàn thể tăng cường phối hợp với ngành y tế để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

2. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm, bố trí các nguồn vốn để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị y tế để phục vụ tốt hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

3. Trong giai đoạn đầu thực hiện cơ chế tự chủ, đổi mới cơ chế tài chính ở các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính quan tâm, hỗ trợ nghiệp vụ công tác tài chính cho các cơ sở y tế để tránh những sai sót do không nắm hết các quy định trong lĩnh vực tài chính./.


Nơi nhận:

- VP.Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- Cục Thống kê;
- Sở KHĐT;
- GD và các PGD Sở; VPĐU
- Các phòng CN và các ĐV trực thuộc; } Website SY
- Lưu: VT; KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Văn Phúc


PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2017 và
đề xuất chỉ tiêu năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh (%)
1	Số bác sĩ/vận dân	Người	6,62	7,04	106
2	Số giường bệnh/vận dân (không bao gồm giường của trạm y tế)	Giường	26,57	26,78	100
3	Tỷ lệ xã đạt chuẩn QG về y tế xã	%	68,28	80	117
4	Tỷ suất sinh	‰	13,83	13,63	99
5	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	6,99	7,0	100
6	Giảm tỷ lệ sinh hàng năm	‰	0,2	0,2	100
7	Tỷ lệ sinh con thứ 3+	%	9,4	9	95,7
8	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	Bé trai	110	109,8	99,8
9	Số lượt người khám bệnh	Lượt	5.087.615	4.500.000	88,45
10	Số BN điều trị nội trú	BN	256.518	230.000	89,66
11	Số người áp dụng các BPTT mới	Người	141.597	111.300	78,65
12	Tỷ lệ chấp nhận các BPTT	%	76,4	76,8	100,5
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	99,5	99,5	100
14	Tiêm ngừa UV phụ nữ có thai	Người	26.505	24.630	92,9
15	Số trẻ uống vitamin A	Trẻ	73.119	72.000	98,4
16	Tỷ lệ SDD TE < 5 tuổi	%	13,2	13,1	99,2
17	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi trên 1000 trẻ đẻ sống	Trẻ	12,21	12,1	99,1
18	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1000 trẻ đẻ sống	Trẻ	18,3	18,1	98,9
19	Tỷ suất tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	BM	4,04	4,06	100
20	Dân số được bảo vệ bằng hóa chất PC sốt rét	Người	27.521	18.000	65,5
21	Số BN lao được quản lý và điều trị	BN	5.273	4.910	93,1
22	Số người có nguy cơ cao được xét nghiệm HIV	Người	3.112	5.000	160
23	Số người có HIV (+) mới	Người	213	230	108
24	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	81	84	102,5